TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Di sản văn bia Hán nôm chùa Thắng Nghiêm thôn Khúc Thủy (Hà Nội)

ISSN: 2734-9195 09:53 03/12/2025

Chùa Khúc Thuỷ là ngôi chùa cổ với trong lịch sử. Chùa hiện lưu giữ được nhiều tư liệu Hán Nôm có giá trị nhằm khẳng định lịch sử ngôi chùa đồng thời ghi chép đóng góp của các Hậu Phật đối với bản xã và bản tự.

Tác giả: **Nguyễn Thị Hoàng Yến,** *Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

Tóm tắt: Chùa Thắng Nghiêm ngày nay, trước kia có tên chùa Phúc Đống, còn gọi là chùa Khúc Thuỷ, hiện ở số 38 thôn Khúc Thủy, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội. Chùa Khúc Thủy là ngôi chùa cổ, chùa của làng. Chùa hiện lưu giữ 6 tấm bia đá cổ khắc văn tự Hán Nôm gồm 6 mặt bia. Hầu hết các bia này đều có thác bản văn bia được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Nội dung văn bia ghi chép các Hậu Phật, những người đóng góp tiền bạc, ruộng đất cho chùa làng Khúc Thuỷ và lệ cúng giỗ. Liệt kê họ tên, tên tự, tên hiệu của những người được gửi giỗ trong chùa và việc cúng tế. Ngoài cúng tế vào ngày giỗ, chùa còn cúng họ vào lễ chưng (cúng vào mùa đông), lễ thường (cúng vào mùa thu) và Tết Nguyên đán.

Lễ vật cúng thường là đồ chay nhưng cũng có trường hợp cúng đồ mặn. Việc nghiên cứu nội dung các văn bia này nhằm tìm hiểu lịch sử ngôi chùa và tri ân những đóng góp của Hậu Phật đối với nhân dân trong thôn và di tích tại địa phương.

Từ khoá: chùa Khúc Thuỷ, di sản văn bia Hán Nôm, Cự Khê, Thanh Oai

1. Sơ lược về lịch sử chùa Thắng Nghiêm Khúc Thuỷ

Theo làng Khúc Thuỷ là ngôi chùa cổ, cách trung tâm thủ đô khoảng 15 km về phía nam. Trước kia chùa có tên là Phúc Đống tự. Chùa nằm trong quần thể thánh tích làng Khúc Thuỷ, một địa phương thấm đẫm văn hóa truyền thống của người Việt Nam, với các di tích văn hóa, các giá trị truyền thống qua các không gian kiến trúc, hiện vật có giá trị văn hiến với nhiều danh lam thắng tích,

cơ sở thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng ven theo dòng sông Nhuệ về nam.

Chùa Thắng Nghiêm ngày nay, mà trước kia có tên là chùa Phúc Đống, còn gọi theo tên làng là chùa Khúc Thủy có lịch sử vẫn còn hiện trên những tấm bia đá của chùa. Đến nay, chùa còn lại 6 tấm bia đá, ghi lại lịch sử các giai đoạn trùng tu xây dựng chùa. Đặc biệt quá trình trùng tu chùa, với đời sống tôn giáo, kinh tế tự viện, cũng là diện mạo của kinh tế làng xã và phần nào những ảnh xạ của Phật giáo thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Văn bia cũng ghi lại quá trình trùng tu chùa, với các tầng lớp kiến trúc còn lại về sau.[1]

Từ tháng 2 năm 1997, Hoà thượng Thích Viên Thành cử Đại đức Thích Minh Thanh về chùa tiếp nối ngọn đèn thiền. Kể từ đó đến nay, chùa liên tục được trùng tu, xây dựng nhằm khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá tâm linh, nghệ thuật kiến trúc Phật giáo.



Ảnh Chùa Thắng Nghiêm nằm trong một quần thể mang đậm nét văn hóa Phật giáo (Nguồn https://mia.vn/cam-nang-du-lich/chua-thang-nghiem-ha-noi-17258, cập nhật lúc 19 giờ ngày 18/11/2025)

2. 2. Di sản văn bia Hán Nôm chùa Thắng Nghiêm Khúc Thủy

Chùa làng Khúc Thủy hiện còn lưu giữ 6 tấm bia đá cổ khắc văn tự Hán Nôm gồm 06 mặt bia, niên đại vào đầu thế kỷ XX, cuối thời Nguyễn. Hầu hết các bia này đều có thác bản văn bia được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.



Bia Phúc Đống tự bi ký, niên đại: Thành Thái thứ 14 (1902)

Về nội dung văn bia, chúng tôi thống kê được như sau:

Bảng 1. Văn bia chùa Thắng Nghiêm Khúc Thuỷ

TT	Tên bia, ký hiệu[2]	Niên đại	Nội dung

1.	*Phúc Đống tự bi ký* 福棟寺碑記 (Bia ghi chép chùa Phúc Đống)	Thành Thái 14 (1902)	Thanh Toàn tôn sư cùng với thiệ chuẩn bị gạch, ngói, mua vật liệ công việc trùng tu trong ngoài ch thêm 9 gian, dùng toàn là sắt, gỗ cho công trình tốn kém rất nhiều xã và thập phương công đức chỉ phần ba, còn lại đều nhờ tôn sư. Sum, hiệu[3] Diệu Nghiêm người thấy việc phúc liền phát tâm bỏ đình 100 đồng bạc để trợ giúp ch muốn gửi giỗ cho bản thân và co mất. Mỗi lần giỗ, sư trong chùa c chay trước tiên dâng lên, sau đặt cúng báo đáp ân tình. Khắc họ tê lên bia: Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm Con gái đã mất Đặng Thị Tặng, h Linh, giỗ ngày 13 tháng 12.
2.	*Phúc Đống tự Hậu bi* 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^{0} 25132	Duy Tân 5 (1911)	Chùa Phúc Đống xã Khúc Thuỷ ch tổ đường, mới xây dựng vào năm Người trong xã là Lưu Đình Bá bỏ thành phúc quả, tự nguyện gửi g và vợ cho đến nội ngoại phối dự siêu sinh tịnh cảnh. Tiền gửi giỗ l bạc, 1 mẫu 5 sào 10 thước ruộng đồ chay hàng năm. Họ tên người giỗ: Lưu quý công, tự Đình Bá, hi Triệu, giỗ ngày 15 tháng 4 hàng quý thị, hiệu Từ Khiết, giỗ ngày 1 hàng năm. Đào quý thị, huý Thư Diệu Tường, giỗ ngày 13 tháng 2 Truy phối Lưu quý thị, hiệu Phúc quý lang, hiệu Thuần Hoàn. Trần hiệu Thục Hợi. Trần Thị Viện, hiệ

3.	*Phúc Đống tự Hậu Phật* 福棟寺后佛 (Hậu Phật[4] chùa Phúc Đống), N^{0} 25133	Duy Tân 10 (1916)	Bà Đào Thị Khóm, hiệu Diệu Kính Thuỷ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà tộc Nguyễn Văn Tiến cúng tiền 6 nguyện làm giỗ chạp cho bà Đào và chồng cùng với nội ngoại phối trong chùa, cầu sinh tịnh thổ. Số làm chi phí đồ chay hàng năm, tr dâng lên Tam bảo, sau đặt trước khắc ở sau: Đặng Thị Sum, hiệu I Nghiêm, cúng 1 mẫu ruộng, 100 gửi giỗ cho Đặng Thị Tặng, hiệu I giỗ ngày 13 tháng 12. Nguyễn qu Từ Nương là vợ của ông họ Nguy quý thị, hiệu Từ Thuận là vợ lẽ ôn Nguyễn. Phó lý trưởng của làng t hội Tư văn[5] Nguyễn quý công, Đàm, hiệu Thuần Hào, giỗ ngày 1 Đào quý thị, huý Khóm, hiệu Diệ ngày 10 tháng 7.
4.	*Phúc Đống tự Hậu bi* 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^{0}25131	Khải Định 4 (1919)	Tín chủ Đào Văn Liễn, vợ Lê Thị C Khúc Thuỷ, tổng Tả Thanh Oai, h Oai, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông ruộng tự nguyện gửi giỗ cho cha thân được phối hưởng trong chùa tịnh độ. Tiền gửi giỗ 80 đồng bạc ruộng để làm giỗ hàng năm. Chù mâm cỗ chay, 10 cái oản, vàng h dâng trước bia. Khắc họ tên ngườ giỗ: Hiển khảo[8] Lê quý công, huý Sĩ Thuần Sĩ, giỗ chính ngày 25 thán Hiển tỷ[10] bà họ Đào, tên huý T Diệu Hội, là vợ ông họ Lê, chính g tháng 2. Lê Tảo Bông phối hưởng

5.	*Phúc Đống tự bi* 福棟寺碑 (Bia chùa Phúc Đống), N^{0} 25130	Ất Sửu (1925)	Thanh Toàn tổ sư cùng với nhân xã dùng gạch ngói, gỗ trùng tu m thêm chùa một ngôi tam bảo, trc chín gian, toàn dùng sắt, gỗ các các vị tượng Phật, chi phí lên đến đồng. Đến năm Bính Ngọ (1906), tịch, tổ sư cũng viên tịch. Đến nă Tuất (1910), bản chùa Thanh Sùn xây dựng một ngôi điện đường, t gạch, ngói, gỗ xây mới trong ngo tạo 5 bức tượng tiên thánh, 1 bức thần. Đến năm Canh Thân (1920 quan và xây dựng nhà dân ở, đắp nền, đào giếng, xây bến sông ch thờ phụng thờ, tất cả đều làm mớ gần 5.000 đồng bạc. Chỉ 2 ngôi đ tả hữu phía trước chùa, tạo các t các khoản trong chùa, từ Tân Sử đến Canh Thân (1920), hai ba lần xây dựng không dám phiền thuế chia tiền bạc, chỉ khuyên thiện tí tuỳ tâm phát mà thôi, còn thiếu l sư, tôn sư và Phan Lương Sùng tí Sau đó, chùa bị dột nát, hư hại. Đ sửa chỉ thiền gia, Phật luật truyề môn giao cho tuỳ ý ngoại tông kh xâm nhận. Nay lập bia ghi lại. Ao vườn trong chùa 1 mẫu, ruộng mẫu, ruộng hương đèn 5 mẫu.

6.	[Bia gửi giỗ]	Không ghi	Tôn sư Đăng Tiên ông, tự Hùng K xây dựng một toà đài sen, chi ph quan, để tiện cho việc cung cấp để ruộng gửi giỗ tại xã Khúc Thu 2 mẫu 4 sào 1 thước giao cho xã mục[11], già trẻ lớn bé trong sáu nhận hàng năm lần lượt thay nha ruộng, sắm sửa lễ vật. Nguyên đ mua gà, xôi, kim ngân, trầu cau tiền 1 quan, mang đến cúng tại đ Chính giỗ ngày 28 tháng 2, mua lợn, 1 miếng thịt lợn trị giá 3 qua quan 2 mạch gạo nếp. Kim ngân rượu, muối, tương tổng cộng tiền Dâng cúng bộ hạ, dùng 1 miếng xôi. Cha là họ Đặng, tên tự Phúc ngày 30 tháng 2. Mẹ họ Trần, tê Từ, giỗ ngày 9 tháng 9. Chính th Tuyên, giỗ ngày 7 tháng 8. Vợ lẽ giỗ ngày mồng 3 tháng 10. Bốn c lễ sắm sửa gà, xôi, kim ngân, trầ 1 quan[13], mang ra cúng tại đài trên tổng cộng 10 quan. Sáu giáp sửa. Cho nên sáu giáp đồng ý xâ để gửi 5 cái giỗ để lại mãi mãi ng

Thông qua tư liệu Hán Nôm, chùa Khúc Thuỷ hiện còn 6 tấm bia với 6 mặt bia, bia *Phúc Đống tự bi ký* (Bia ghi chép chùa Phúc Đống) dựng sớm nhất vào năm Thành Thái thứ 14 (1902). Tấm bia dựng muộn nhất là bia *Phúc Đống tự bi* (bia chùa Phúc Đống) vào năm Ất Sửu (1925) và một tấm bia không có tên bia, không ghi thời gian dựng, nội dung gửi giỗ.

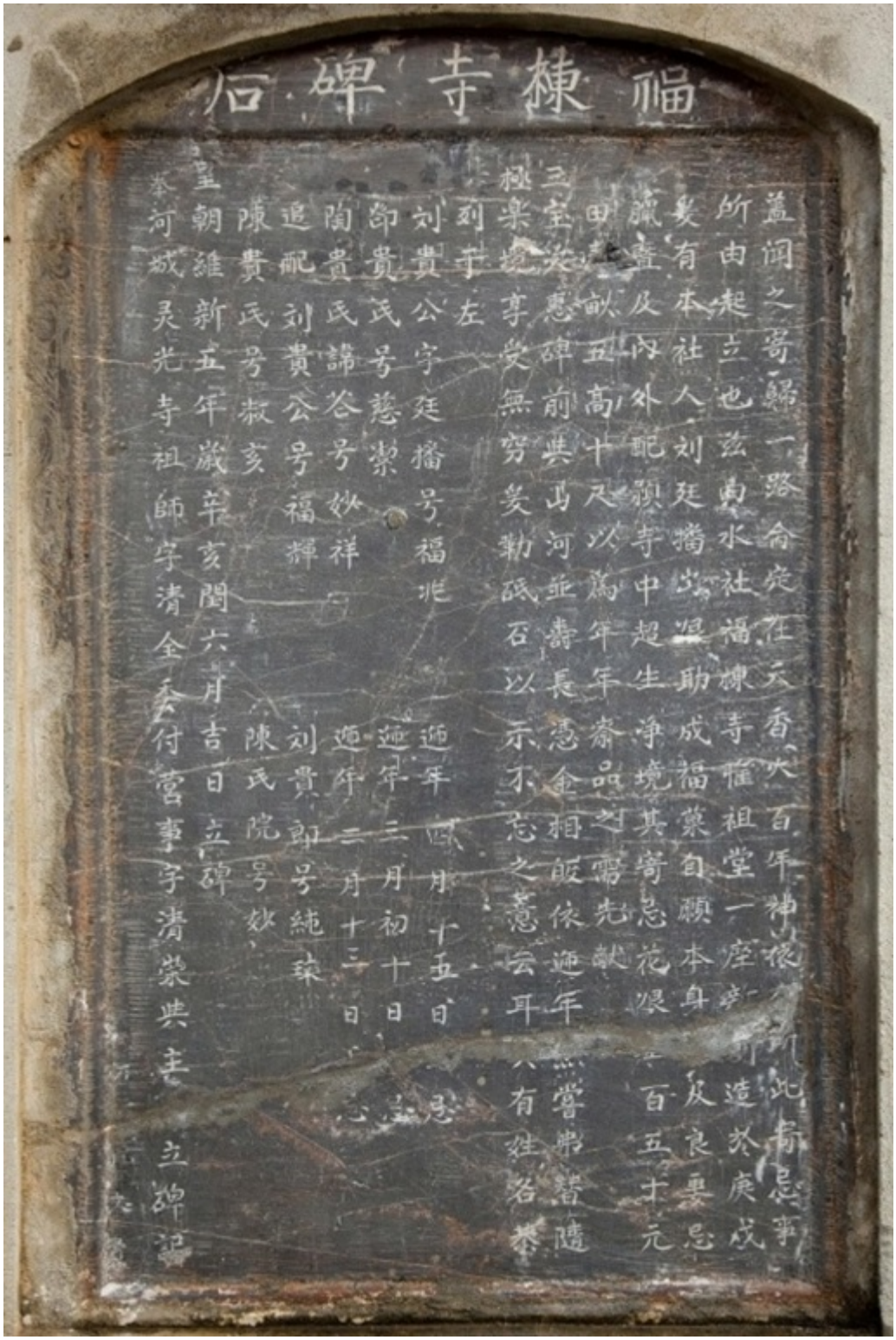
Về nội dung, hầu hết là văn bia gửi giỗ, gồm các bia: *Phúc Đống tự bi ký, Phúc Đống tự bi Hậu, Phúc Đống tự Hậu Phật, Phúc Đống tự Hậu bi, [Bia gửi giỗ].* Tổng cộng 5/6 văn bia. Chỉ duy nhất bia *Phúc Đống tự bi* nói về việc sư trụ trì Thanh Toàn thiền sư cùng với nhân dân trong xã hai, ba lần trùng tu, xây dựng mở rộng thêm chùa từ năm Tân Sửu (1901) đến năm Canh Thân (1920). Đồng thời, cuối văn bia ghi lại tài sản của chùa ao vườn trong chùa 1 mẫu, ruộng giỗ Hậu 2 mẫu, ruộng hương đèn 5 mẫu. Thông qua văn bia, cũng cho thấy đầu thế

kỷ XX, các thiền sư tu hành tại chùa và phát triển xây dựng chùa làng, trong đó đặc biệt ý nghĩa, là vị sư Thanh Toàn thiền sư có công trùng tu xây dựng chùa trong nhiều năm mới hoàn thành (1925).

Lý do gửi giỗ cũng được ghi rõ ràng trên bia. Cụ thể, chúng tôi thống kê được như sau:

Văn bia *Phúc Đống tự bi:* Tôn sư và thiện tín cả làng đại khởi công trùng tu trong ngoài chùa rộng thêm 9 gian. Chi phí cho công trình tốn kém rất nhiều tiền. Bản xã và thập phương công đức chỉ được một phần ba, còn lại đều nhờ tôn sư. Thầy tôi lo liệu để bổ sung vào, đến khi có Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm người trong xã thấy việc phúc liền phát tâm bỏ tiền của gia đình 100 đồng bạc để trợ giúp cho chùa. Bà muốn gửi giỗ cho bản thân và con gái đã mất.

Bia *Phúc Đống tự bi Hậu:* Chùa Phúc Đống xã Khúc Thuỷ chỉ một toà tổ đường, mới xây dựng vào năm Canh Tuất. Người trong xã là Lưu Đình Bá bỏ tiền giúp thành phúc quả, tự nguyện gửi giỗ bản thân và vợ cho đến nội ngoại phối dự trong chùa siêu sinh tịnh cảnh. Tiền gửi giỗ là 550 đồng bạc, ruộng 1 mẫu 5 sào 10 thước làm chi phí đồ chay hàng năm.



Bia Phúc Đống tự bi Hậu, niên đại Duy Tân thứ 5 (1911)

Bia *Phúc Đống tự Hậu Phật:* Bà Đào Thị Khóm, hiệu Diệu Kính ở xã Khúc Thuỷ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, bản tộc Nguyễn Văn Tiến cúng tiền 60 đồng, tự nguyện làm giỗ chạp cho bà Đào Thị Khóm và chồng cùng với nội ngoại phối hưởng trong chùa, cầu sinh tịnh thổ. Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm, cúng 1 mẫu ruộng, 100 đồng bạc, gửi giỗ cho Đặng Thị Tặng, hiệu Diệu Linh.

Bia *Phúc Đống tự Hậu bi:* Tín chủ Đào Văn Liễn, vợ Lê Thị Cắm[14] ở xã Khúc Thuỷ, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông cúng tiền, ruộng tự nguyện gửi giỗ cho cha mẹ vợ và tứ thân được phối hưởng trong chùa, siêu sinh tịnh độ. Tiền gửi giỗ 80 đồng bạc hoa, 1 mẫu ruộng để làm giỗ hàng năm.

Bia [Bia gửi giỗ]: Tôn sư Đăng Tiên ông, tự Hùng Kiện tôn giả xây dựng một toà đài sen, chi phí hết 500 quan, để tiện cho việc cung cấp cúng giỗ và để ruộng gửi giỗ tại xã Khúc Thuỷ, tổng cộng 2 mẫu 4 sào 1 thước giao cho xã này.

Trong các văn bia Hậu ở trên, không ghi nội dung được bản xã bầu Hậu mà chỉ ghi gửi giỗ 5/6 văn bia.

2.1. Tài sản người gửi giỗ cung tiến

Người gửi giỗ cung tiến tiền, ruộng cho chùa (4/5 văn bia), gửi giỗ cho bản xã (1/5 văn bia). Cụ thể như sau:

Bảng 2. Tài sản người gửi giỗ cung tiến

TT	Tên bia, ký hiệu	Niên đại	Người gửi giỗ	Tiền	Ruộng đất
1.	Phúc Đống tự bi ký 福棟寺碑記 (Bia ghi chép chùa Phúc Đống)	Thành Thái 14 (1902)	Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm	100 đồng bạc	
2.	Phúc Đống tự bi Hậu 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^0 25132	Duy Tân 5 (1911)	Lưu Đình Bá	550 đồng bạc	1 mẫu 5 sào 10 thước

TT	Tên bia, ký hiệu	Niên đại	Người gửi giỗ	Tiền	Ruộng đất
			Nguyễn Văn Tiến	60 đồng	
3.	Phúc Đống tự Hậu Phật 福棟寺后佛 (Hậu Phật chùa Phúc Đống), N^0 25133	Duy Tân 10 (1916)	Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm	100 đồng bạc	1 mẫu
4.	Phúc Đống tự Hậu bi 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^0 25131	Khải Định 4 (1919)	Đào Văn Liễn, vợ Lê Thị Cắm	80 đồng bạc hoa	1 mẫu
5.	[Bia gửi giỗ]	Không ghi	Đăng Tiên Ông, tự Hùng Kiện tôn giả	500 quan	2 mẫu 4 sào 1 thước

Theo thống kê ở trên, bà Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm bỏ tiền của gia đình 100 đồng bạc trợ giúp cho chùa. Ông Lưu Đình Bá tự nguyện bỏ tiền 550 đồng bạc, 1 mẫu 5 sào 10 thước ruộng gửi giỗ cho bản thân, vợ và gia tiên nội ngoại. Bản tộc Nguyễn Văn Tiến cúng tiền 60 quan, gửi giỗ cho bà Đào Thị Khóm, hiệu Diệu Kính và chồng cùng với nội ngoại được phối hưởng trong chùa. Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm cúng 1 mẫu ruộng, 100 đồng bạc gửi giỗ. Ông Đào Văn Liễn, vợ Lê Thị Cắm cúng 80 đồng bạc hoa, 1 mẫu ruộng cho chùa. Tôn sư Đăng Tiên Ông, tự Hùng Kiện tôn giả xây dựng 1 toà sen chi phí hết 500 quan, 2 mẫu 4 sào 1 thước giao cho xã này. Như vậy, tài sản người gửi giỗ cung tiến gồm tiền và ruộng (4/6 người), chỉ cung tiến tiền (2/6 người). Trong đó, cung tiến 1 mẫu ruộng (2/4 người), trên 1 mẫu ruộng (1/4 người) và trên 2 mẫu ruộng (1/4 người). Số tiền cung tiến nhiều nhất 550 đồng bạc và 500 quan, ít nhất 60

đồng bạc.

2.2. Lệ cúng cho những người được gửi giỗ

Những người gửi giỗ ở chùa Thắng Nghiêm hầu hết là những người đã mất. Vì vậy, nhà chùa đồng ý làm giỗ cho họ. Lễ vật khá phong phú. Cúng giỗ có thể là cỗ chay, nhưng có thể là cỗ mặn. Ngoài cúng giỗ, chùa còn cúng vào dịp tết Nguyên đán, lễ chưng (cúng tế vào mùa đông), lễ thường (cúng tế vào mùa thu). Cụ thể, chúng tôi thống kê được như sau:

Bảng 3. Lệ cúng

TT	Tên bia	Niên đại	Người hưởng giỗ	Lễ tiết	Lễ v
1.	Phúc Đống tự bi ký 福棟寺碑記 (Bia ghi chép chùa Phúc Đống)	Thành Thái 14 (1902)	Đặng Thị Sum, hiệu Diệu Nghiêm Đặng Thị Tặng, hiệu Thục Linh	Giỗ	Đồ c
2.	Phúc Đống tự bi Hậu 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^0 25132	Duy Tân 5 (1911)	Lưu quý công, tự Đình Bá, hiệu Phúc Triệu Đặng quý thị, hiệu Từ Khiết Đào quý thị, huý Thương, hiệu Diệu Tường Truy phối Lưu quý thị, hiệu Phúc Huy. Lưu quý lang, hiệu Thuần Hoàn. Trần quý thị, hiệu Thục Hợi. Trần Thị Viện, hiệu Diệu.	chưng, thường, giỗ	Đồ c

TT	Tên bia	Niên đại	Người hưởng giỗ	Lễ tiết	Lễ v
			Đào Thị Khóm, hiệu Diệu Kính và chồng cùng với nội ngoại phối hưởng		
3.	Phúc Đống tự Hậu Phật福棟寺后佛 (Hậu Phật chùa Phúc Đống), N^0 25133	Duy Tân 10 (1916)	Đặng Thị Tặng, hiệu Diệu Linh; Nguyễn quý thị, hiệu Từ Nương. Đặng quý thị, hiệu Từ Thuận. Nguyễn quý công, huý Đàm, hiệu Thuần Hào. Đào quý thị, huý Khóm, hiệu Diệu Kính.	chưng, thường, giỗ	Đồ c
4.	Phúc Đống tự Hậu bi 福棟寺后碑 (Bia Hậu chùa Phúc Đống), N^0 25131	Khải Định 4 (1919)	Hiển khảo Lê quý công, tên huý Sĩ, tên tự Thuần Sĩ. Hiển tỷ bà họ Đào, tên huý Thặng, hiệu Diệu Hội. Lê Tảo Bông phối hưởng.	Giỗ	cỗ c vàng
				Nguyên đán	gà, cau
5.	[Bia gửi giỗ]	Không ghi	Tôn sư Đăng Tiên ông, tự Hùng Kiện tôn giả	Giỗ	1 cá thịt mạc gạo cau,

TT	Tên bia	Niên đại	Người hưởng giỗ	Lễ tiết	Lễ v
Cha Đặng Phúc Châu; Mẹ họ Trần, hiệu Diệu Từ. Chính thất hiệu Diệu Tuyên; Vợ lẽ hiệu Diệu Ý	Giỗ		Gà, xôi, kim ngân, trầu cau, rượu 1 quan		

Theo thống kê ở Bảng 3 ở trên, một số người chỉ cúng vào ngày giỗ 2/5 bia; cúng vào ngày giỗ và lễ chưng, thường 2/5 bia; cúng vào ngày giỗ và Tết Nguyên đán 1/5 bia. Lễ vật cúng giỗ là đồ chay (3/5 bia), đồ chay cùng với oản, vàng hoa (1/5 bia), cúng lễ mặn (1/5 bia). Lễ vật mặn gồm gà, xôi, rượu, thủ lợn, thịt lợn giống như các lễ giỗ trong dân gian. Những người này gửi giỗ tiền và ruộng cho xã. Kỳ mục, già trẻ lớn bé trong sáu giáp nhận hàng năm lần lượt thay nhau canh tác ruộng, sắm sửa lễ vật. Hầu hết những người được gửi giỗ đều liệt kê họ tên, tên huý, tên hiệu và ngày giỗ cụ thể, chỉ một số người phối hưởng mới không có ngày giỗ.

3. Kết luận

Chùa Khúc Thuỷ là ngôi chùa cổ với trong lịch sử. Chùa hiện lưu giữ được nhiều tư liệu Hán Nôm có giá trị nhằm khẳng định lịch sử ngôi chùa đồng thời ghi chép đóng góp của các Hậu Phật đối với bản xã và bản tự. Trong lịch sử, chùa nhiều lần được xây dựng, trùng tu ngày một khang trang, to đẹp hơn. Các vị sư trong

chùa, nhân dân cùng với chính quyền địa phương ra sức chung tay vào việc chỉnh trang, tu sửa, xây dựng chùa với mong muốn giữ gìn ngôi chùa - một nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh cho người dân. Vì vậy, việc tìm hiểu di sản Hán Nôm tại chùa có ý nghĩa sâu sắc trong việc giữ gìn và truyền bá văn hoá cho người dân hôm nay. Đồng thời, tri ân những vị Hậu Phật - người có công lao to lớn đối với người dân địa phương và với di tích văn hoá này.

Tác giả: **Nguyễn Thị Hoàng Yến -** *Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

***

Tài liệu tham khảo:

I. Sách tiếng Việt
1. Bùi Xuân Đính (2022) Bách khoa làng Việt cổ truyền, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật
2. Nguyễn Tá Nhí (chủ biên) (2010), Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: tuyển tập hương ước tục lệ, Nxb Hà Nội
3. Đinh Khắc Thuân (chủ biên) (2006), Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam, Nxb KHXH, Hà Nội

II. Sách Hán Nôm (Viện Nghiên cứu Hán Nôm)
4. Phúc Đống tự bi Hậu 福棟寺后碑 , ký hiệu N0 25132
5. Phúc Đống tự Hậu Phật 福棟寺后佛, ký hiệu N0 25133
6. Phúc Đống tự Hậu bi福棟寺后碑 , ký hiệu N025131
7. Phúc Đống tự bi 福棟寺碑, ký hiệu N0 25130

Chú thích:

[1] Gần đây chùa được đổi tên thành chùa Thắng Nghiêm. Tên cũ là chùa Phúc Đống tự gần như không được sử dụng.

[2] Ký hiệu thác bản văn bia tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (05 văn bia) và 01 bia không có thác bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

[3] Hiệu: tức tên hiệu, là tên vốn đặt ra để gọi nhà ở, chỗ ở, nơi đọc sách viết văn và đôi khi để thể hiện ý chí cá nhân. Tên hiệu thường chỉ có ở các bậc nho sĩ, danh sĩ và do họ tự đặt. Tên này thường dùng các từ chỉ quê quán, tên sông, tên núi, hồ, dầm hoặc chí khí... (Theo Bùi Xuân Đính (2022) *Bách khoa làng Việt cổ truyền*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr.786-787)

[4] Hậu Phật: người có công với chùa làng được tôn bầu làm Hậu Phật được cúng giỗ tại chùa. (Theo Đinh Khắc Thuân (chủ biên) (2006), *Tục lệ làng xã cổ*

truyền Việt Nam, Nxb KHXH, tr.829)

[5] Hội Tư văn: tổ chức của những vị Nho học ở địa phương, như hội Tư văn hàng huyện, hàng tổng và làng xã. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam,* (sđd), tr.837

[6] Huý: là tên được cha mẹ (hoặc những người bằng vai, hay ở vai trên hoặc một bậc có trí tuệ trong làng) đặt cho sau khi chào đời một thời gian, ngày nay gọi là tên khai sinh, hay tên gọi chính thức, cũng có thể gọi là tên thường gọi, trong trường hợp người đó không có tên nào khác. Đây là tên gọi chính thức được ghi trong sổ hàng giáp, sổ đinh của làng (chỉ với con trai) và mang tính pháp lý, dùng cho các hoạt động, các quan hệ xã hội, giao dịch dân sự của người đó (với cả nam và nữ) trong cuộc đời sau này, cả đến khi chết làm lễ cúng hồn (nên gọi là tên cúng cơm còn gọi là "tên hèm"). Đặc điểm nổi bật của việc đặt tên huý cho con là không được trùng với tên của Thành hoàng làng và tên của các cụ kị đời trước, các bậc trong họ bằng vai hoặc trên vai bố mẹ. (Theo *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền* (sđd), tr.784).

[7] Chữ này 撳 có hai âm đọc: Cắm, Cầm.

[8] Hiển khảo: cha đã mất.

[9] Tự: nghĩa chữ Hán là "tên chữ", là tên để gọi thay cho tên huý, tên tục và chỉ đặt cho con trai khi đến 20 tuổi. Tên tự và tên huý có liên quan với nhau. Đặt tên tự phải bắt nguồn từ tên huý, liên quan đến tên huý... Tuy nhiên, nhiều trường hợp, tên tự không có mối liên quan đến tên huý, mà chỉ biểu thị khí phách, ước vọng. Có nhiều cách đặt tên tự. Người xưa quan niệm tên tự càng "bí hiểm", càng chứng tỏ đó là người có tri thức, có trí tuệ. Vì vậy, không dễ dàng hiểu được mối quan hệ giữa tên tự và tên huý. (Theo *Bách khoa làng Việt cổ truyền*, (sđd), tr. 786)

[10] Hiển tỷ: mẹ đã mất.

[11] Kỳ mục: những người đã giữ chức sắc trong làng, sau hoàn thành công việc mà không có sai phạm. (Theo Nguyễn Tá Nhí (chủ biên) (2010), *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội Tuyển tập hương ước tục lệ,* Nxb Hà Nội, tr.1251)

[12] Giáp: một tập hợp người theo lớp tuổi, có thể kết hợp với quan hệ huyết thống của nam giới. Các thành viên trong giáp được chia ruộng công, chịu sai dịch, lo tế lễ hàng năm của làng. (Theo *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội Tuyển tập hương ước tục lệ,* (sđd), tr.1250)

[13] Quan tiền: một quan tiền thời Lê gồm 600 đồng, chia làm 10 tiền (một tiền là 60 đồng, gọi là cổ tiền). Sang thời Nguyễn, văn là đơn vị tiền cơ bản có giá trị một đồng nhưng không được đúc thành một đơn vị tiền riêng, mà giá trị của nó được biểu hiện ở con số ghi trên mặt đồng tiền. Ngoài tiền bằng đồng còn có tiền bằng bạc đúc thành thoi. Bạc thoi thời Tự Đức (1848-1883) còn được đúc thành các đồng tiền tính theo đơn vị quan và mạch (10 mạch bằng 1 quan) tương đương với quan tiền đồng nhưng giá trị hơn. Ngoài ra còn có quan tiền sử. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam* (sđd), tr.833)

[14] Chữ này 撳 có hai âm đọc: Cắm, Cầm.